

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG CHUYÊN ĐỀ
DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH TRÌNH BÀY
tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện
Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10, Khóa XIII
(Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2024)

Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII đã quyết nghị thông qua nội dung cơ bản của các văn kiện trình Đại hội XIV, dự kiến kế hoạch phát triển KTXH, NSNN năm 2025, Kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2025-2027; chủ trương đầu tư Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương và một số nội dung quan trọng khác.

Thực hiện kế hoạch số 541/KH-BTGTW ngày 16/10/2024 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII, Ban cán sự đảng Chính phủ được giao nhiệm vụ chuẩn bị nội dung báo cáo chuyên đề¹ và giới thiệu tại Hội nghị hôm nay.

Được phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, sau đây tôi xin trình bày chuyên đề, được khái quát thành **03** nhóm nội dung:

Một là, đánh giá tình hình KTXH năm 2024, ước thực hiện 5 năm 2021-2025 và dự kiến kế hoạch năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2026-2030.

Hai là, chủ trương đầu tư toàn tuyến Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc Nam.

Ba là, chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương.

Do thời gian có hạn, tôi không trình bày cụ thể, chi tiết toàn bộ báo cáo đầy đủ mà tập trung khái quát một số điểm mới, cốt lõi theo các nhóm nội dung nêu trên của chuyên đề.

¹ Tiêu đề của chuyên đề là “*Những nội dung cốt lõi, điểm mới trong Dự thảo Báo cáo đánh giá 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030; phương hướng, nhiệm vụ phát triển KTXH 5 năm 2026-2030 và về tình hình KTXH, NSNN năm 2024, kế hoạch năm 2025; về chủ trương đầu tư đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; về chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương*”.

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KTXH NĂM 2024, ƯỚC THỰC HIỆN 5 NĂM 2021-2025 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2025, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 5 NĂM 2026-2030

1. Bối cảnh tình hình

- Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tình hình thế giới diễn biến nhanh, phức tạp, nhiều vấn đề chưa có tiền lệ, ảnh hưởng nặng nề hơn so với dự báo, nhất là đại dịch COVID-19 và hậu quả của nó; xung đột quân sự ở Ukraine, Trung Đông, căng thẳng ở bán đảo Triều Tiên, Đài Loan (Trung Quốc); cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt...

- Ở trong nước, nền kinh tế chịu tác động kép từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, yếu kém nội tại tích tụ nhiều năm; tác động của đại dịch COVID-19 kéo dài; trong khi đó, nước ta là nước đang phát triển, đang trong quá trình chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở lớn, khả năng chống chịu còn hạn chế. Đặc biệt, cơn bão số 3 vừa qua gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản, ảnh hưởng lớn đến SXKD, đời sống Nhân dân và các doanh nghiệp.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngay sau Đại hội XIII, các cấp, các ngành, các địa phương đã khẩn trương quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch hành động và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội. Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết về các lĩnh vực quan trọng, phát triển vùng; Quốc hội đã ban hành nhiều luật, nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù cho một số địa phương, lĩnh vực, dự án quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới².

- Tập trung phòng, chống, khắc phục hậu quả đại dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển KTXH - “*Việt Nam đi sau về trước*”. Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, triển khai đồng bộ, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ, giải pháp đề ra. Đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược về thể chế, nhân lực và hạ tầng; tăng cường phân cấp, phân quyền; đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn cho SXKD. Đồng thời, chú trọng thực hiện các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Huy động sự tham gia, hưởng ứng tích cực, đồng hành của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trong phát triển KTXH.

² Trong đó có Nghị quyết 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP Hồ Chí Minh và các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP Đà Nẵng, Hải Phòng, Thừa Thiên - Huế, Cần Thơ, Khánh Hòa, Thanh Hóa, Nghệ An...; các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng KT-XH...

- Những năm đầu nhiệm kỳ tập trung phòng, chống đại dịch COVID-19 ảnh hưởng đến tăng trưởng, nên năm 2024 tập trung ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; đẩy nhanh tiến độ các dự án hạ tầng quan trọng, trọng điểm quốc gia³. Tập trung khắc phục hậu quả của đại dịch COVID-19, phòng chống và kịp thời khắc phục hậu quả cơn bão số 3, nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục SXKD và các hoạt động KTXH.

3. Kết quả đạt được:

(1) Năm 2024, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, nhờ sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là đồng chí cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trước đây và hiện nay là đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, tình hình KTXH nước ta tiếp tục phục hồi rõ nét, tháng sau tốt hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước, đạt được mục tiêu tổng quát đề ra và nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Ước cả năm 2024 đạt và vượt **14/15** chỉ tiêu chủ yếu (*riêng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người xấp xỉ đạt, nếu tốc độ đạt tăng trưởng cả năm trên 7% thì sẽ đạt toàn bộ các chỉ tiêu⁴*); trong đó hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu về xã hội và chỉ tiêu về tăng năng suất lao động vượt kế hoạch đề ra (sau 03 năm liên tiếp không đạt). Một số kết quả nổi bật là:

- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm. Tăng trưởng GDP cả năm ước đạt khoảng **7%** (*phần đầu trên 7%*), vượt chỉ tiêu Quốc hội đề ra (**6-6,5%**), thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng thấp hơn chỉ tiêu Quốc hội đề ra (**4-4,5%**), trong khi vẫn thực hiện tăng lương và tăng giá một số mặt hàng do Nhà nước quản lý. Thu NSNN vượt trên **10%** dự toán; bội chi NSNN, nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài trong giới hạn quy định. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, cân đối cung cầu lao động được bảo đảm.

- Phát triển kết cấu hạ tầng có bước đột phá rõ nét, đã hoàn thành đưa vào khai thác **2.021** km đường bộ cao tốc và đường dây 500kV mạch 3 Quảng Bình – Hưng Yên. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường được chú trọng; đời sống

³ Trong đó có các dự án đường bộ cao tốc trục Bắc - Nam phía Đông, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Biên Hòa - Vũng Tàu, Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột...; dự án đường dây 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Phố Nối; các dự án về hạ tầng số, trung tâm dữ liệu...

⁴ GDP 9 tháng đầu năm 2024 tăng **6,82%**; thông thường GDP quý IV cao hơn các quý còn lại trong năm; vì vậy chúng ta có thể đạt tốc độ tăng trưởng GDP cả năm trên 7%.

tinh thần, vật chất của Nhân dân tiếp tục được nâng lên. Đã dành gần **700** nghìn tỷ đồng cho cải cách tiền lương. Tập trung khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ. Đến nay, đã huy động được **2.152** tỷ đồng để hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 3 gây ra và khoảng **6** nghìn tỷ đồng cho Phong trào thi đua *“Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước trong năm 2025”*.

- Chính trị - xã hội ổn định; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững; quốc phòng, an ninh được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhất là đối ngoại cấp cao được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng.

(2) Trên cơ sở kết quả từ đầu nhiệm kỳ đến nay, ước thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025, dự kiến kết quả đánh giá 5 năm 2021-2025 thực hiện Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021-2030 như sau:

- Tăng trưởng kinh tế phần đầu đạt khoảng **6%/năm**, thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới; GDP bình quân đầu người tăng từ **3.720** USD năm 2021 lên khoảng **4.900** USD năm 2025, tăng **31,7%**.

- Quy mô nền kinh tế tăng từ **346** tỷ USD, xếp thứ **37** trên thế giới năm 2020; lên **433** tỷ USD, xếp thứ **34** thế giới năm 2023 (*theo số liệu cập nhật mới nhất của Ngân hàng Thế giới*); và dự kiến khoảng **500** tỷ USD năm 2025 (*tăng 1,45 lần so với năm 2020*), xếp thứ **33** thế giới và thứ **4** khu vực ASEAN.

- Thực hiện ba đột phá chiến lược đạt kết quả tích cực, nhất là về xây dựng kết cấu hạ tầng; trong đó đến cuối năm 2025 cả nước sẽ có hơn **3.000** km đường bộ cao tốc (*đạt mục tiêu đề ra*) và tiếp tục triển khai nhiều dự án cho giai đoạn 2026-2030. Hạ tầng số, hạ tầng điện được đầu tư xây dựng trên phạm vi cả nước. Công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật được chỉ đạo quyết liệt với tinh thần cải cách, đổi mới, chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Chính phủ trình Quốc hội ban hành **43** Luật; Chính phủ ban hành **460** Nghị định⁵. Công tác quy hoạch tiếp tục được đẩy mạnh; tăng cường liên kết vùng, phát triển kinh tế vùng.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa⁶. Các dự án tồn đọng, kéo dài, các ngân hàng yếu kém từng bước được giải quyết căn cơ⁷.

⁵ Theo chương trình Kỳ họp thứ 8 (*khai mạc ngày 21/10/2024*), dự kiến Quốc hội ban hành **18** Luật, **02** Nghị quyết, cho ý kiến **10** Luật.

⁶ Dự kiến đến cuối năm 2025, tỷ trọng các khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GDP đạt **80,5%** (năm 2020 là **78,6%**).

⁷ Trong đó, có tuyến đường sắt cao tốc Cát Linh - Hà Đông, dự án Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Vân Phong 1, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Khí hóa lỏng Cái Mép - Thị Vải; thúc đẩy triển khai

- An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân được cải thiện; hỗ trợ trên **68** triệu lượt người lao động và **1,41** triệu lượt người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 với tổng kinh phí gần **120** nghìn tỷ đồng⁸. Phát động Quỹ vắc-xin, đã huy động được hàng chục nghìn tỷ đồng để tiêm vắc-xin miễn phí cho toàn dân.

- Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần củng cố niềm tin trong Nhân dân.

- Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm.

- Đối ngoại và hội nhập quốc tế là điểm sáng, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển, mở ra các cơ hội hợp tác, hướng phát triển mới, góp phần nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

Đánh giá chung 5 năm 2021-2025, chúng ta đạt được nhiều kết quả quan trọng, nổi bật, khá toàn diện, cơ bản hoàn thành các mục tiêu chủ yếu và nước ta vượt qua mức thu nhập trung bình thấp, chỉ số phát triển con người được cải thiện, chỉ số hạnh phúc năm 2024 tăng 11 bậc so với năm 2023, xếp thứ 54/143 quốc gia, vùng lãnh thổ, tạo nền tảng cho giai đoạn sau phát triển cao hơn.

4. Hạn chế, bất cập và khó khăn, thách thức

- Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát còn tiềm ẩn rủi ro, nhất là từ yếu tố bên ngoài như biến động giá dầu thô, lương thực, tỷ giá, lãi suất...

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh một số lĩnh vực còn khó khăn; số doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh, giải thể còn cao. Thị trường bất động sản phục hồi chậm, còn nhiều vướng mắc; nợ xấu có xu hướng tăng; trái phiếu doanh nghiệp đến hạn phải trả còn lớn.

- Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế và hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế, xã hội một số mặt chưa cao...

- Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, nhất là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ cao, phục vụ chuyển đổi số...

- Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng bị thiên tai. Tình hình an ninh, trật tự ở một

các hợp đồng, chuỗi dự án điện khí điện Lô B - Ô Môn; các nhà máy đập, nhà máy thép Việt - Trung...; đẩy mạnh cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của **05** ngân hàng thương mại yếu kém.

⁸ Theo các Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021, Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Quyết định 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của TTgCP.

số địa bàn, tội phạm công nghệ cao, buôn lậu, lừa đảo qua mạng... còn phức tạp. Thiên tai, bão lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở, sụt lún diễn biến khó lường.

- Ước thực hiện 5 năm 2021-2025, có một số chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu đề ra (*như tốc độ tăng trưởng kinh tế, năng suất lao động, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP*).

5. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm:

5.1. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân kết quả đạt được: nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương, mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các đồng chí Tổng Bí thư, Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; sự hợp tác, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Đặc biệt, Chính phủ, các cấp, các ngành, các địa phương đã theo dõi sát, nắm tương đối chắc tình hình để có phản ứng chính sách linh hoạt, kịp thời⁹ và tập trung chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo, có trọng tâm, trọng điểm các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

b) Nguyên nhân tồn tại, hạn chế:

- **Nguyên nhân khách quan:** Tình hình thế giới phức tạp, khó lường, nhiều khó khăn, thách thức; hậu quả của đại dịch COVID-19 tiếp tục ảnh hưởng; trong khi nền kinh tế nước ta có độ mở lớn, sức chống chịu hạn chế trong bối cảnh tổng cầu thế giới và đầu tư toàn cầu sụt giảm. Thiên tai, bão lũ, nhất là bão số 3 gây hậu quả nặng nề.

- **Nguyên nhân chủ quan:** Kỷ luật, kỷ cương có lúc, có nơi chưa nghiêm; phân cấp, phân quyền ở một số lĩnh vực, cơ quan, địa phương còn vướng mắc; một bộ phận cán bộ, công chức né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm; việc nắm tình hình, tham mưu, phản ứng chính sách một số trường hợp, lĩnh vực chưa kịp thời, hiệu quả, chưa tận dụng hết các cơ hội phát triển; tinh thần nỗ lực vượt khó vươn lên, tự lực, tự cường của một số cơ quan, địa phương chưa cao...

5.2. Bài học kinh nghiệm:

(1) Kiên định đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cạnh tranh chiến lược phức tạp; bảo đảm nhất quán, kiên định về chiến lược và chủ động, linh hoạt, mềm dẻo về sách lược. Nắm chắc

⁹ Trong đó nổi bật là: về phòng, chống đại dịch COVID-19, đã kịp thời đưa ra *Công thức chống dịch: 5K + Vắcxin + Điều trị + Công nghệ + ...* và *Chiến lược Vắcxin: Ngoại giao Vắcxin + Mua Vắcxin + Tiêm chủng miễn phí*; thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp hài hòa, chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách khác để ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; chủ động, linh hoạt thực hiện các giải pháp trong phòng, chống và khắc phục hậu quả bão, lũ, thiên tai...

tình hình thực tiễn, phản ứng chính sách chủ động, sáng tạo, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, không để bị động, bất ngờ.

(2) Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết trong Đảng, đoàn kết trong Nhân dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, nhất là những lúc khó khăn. Phải giữ vững bản lĩnh, có quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm; phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả.

(3) Nhân dân làm nên lịch sử, sức mạnh bắt nguồn từ Nhân dân, phát huy sức mạnh to lớn của Nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tập trung nâng cao chất lượng thể chế phát triển trên tinh thần mọi chính sách phải xuất phát từ nguyện vọng, lợi ích chính đáng và hạnh phúc của Nhân dân.

(4) Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước, sức mạnh ngoài nước; gắn kết nội lực với ngoại lực, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, thực chất, hiệu quả.

(5) Sự lãnh đạo, đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nhất là trong những lúc khó khăn như đại dịch COVID-19, tình hình kinh tế, an ninh, quốc phòng và điều kiện quốc tế phức tạp. Kiên định đường lối đổi mới; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; quyết liệt hành động với tinh thần “*đã nói là làm*”, “*chỉ bàn làm, không bàn lùi*”, “*làm việc nào dứt việc đó*”.

6. Dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 5 năm 2026-2030

6.1. Bối cảnh tình hình:

Dự báo thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh, khó lường; những khó khăn, phức tạp không những không giảm mà còn sâu sắc hơn. Ở trong nước, thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; nhưng nhìn chung khó khăn, thách thức nhiều hơn.

6.2. Quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành:

(1) Quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước. Phát huy sức mạnh tổng hợp, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, tự lực, tự cường, khát vọng phát triển đất nước. Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực từ bên trong và bên ngoài.

(2) Bám sát tình hình thực tiễn, có phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp, hiệu quả; chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền, có trọng tâm, trọng điểm, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm theo tinh thần

“dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung”, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, phân công nhiệm vụ phải bảo đảm *“5 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời hạn, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”*.

(3) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả xây dựng và thực thi pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và kiểm tra, giám sát thực hiện; tiếp tục đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhưng không để ảnh hưởng đến phát triển KTXH.

(4) Phát triển văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

(5) Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển nhanh, bền vững.

6.3. Mục tiêu năm 2025 và phấn đấu đến năm 2030:

- ***Xác định năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích***, bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam như đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm đã xác định; lấy ổn định làm tiền đề cho phát triển và phát triển để làm cơ sở cho ổn định; phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2021-2025. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- ***Phấn đấu đến năm 2030***, là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, thuộc nhóm **30** nền kinh tế có quy mô GDP hàng đầu thế giới, tạo tiền đề vững chắc đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc vào năm 2045. Kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn; có thể chế quản lý hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; mạng lưới kết cấu hạ tầng cơ bản đồng bộ, hiện đại; phát triển toàn diện nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, kỷ cương, an toàn; củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 đạt tốc độ cao để hoàn thành mục tiêu Chiến lược 10 năm 2021-2030.

6.4. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- **Năm 2025:** Tăng trưởng GDP khoảng **6,5-7%** và phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn (**7-7,5%**) để đến hết năm 2025 xếp hạng **31-33** thế giới về quy mô GDP. GDP bình quân đầu người đạt khoảng **4.900 USD**. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt khoảng **24,1%**. Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng **4,5%**. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân **5,3-5,4%**. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng **70%**, trong đó có bằng, chứng chỉ đạt khoảng **29-29,5%**. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới **4%**. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm khoảng **0,8-1%**. Bội chi NSNN năm 2025 khoảng **3,8%** GDP, bình quân giai đoạn 2025-2027 khoảng **3,5%** GDP; nợ công khoảng **35-38%** GDP...

- **Giai đoạn 2026-2030:** Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng **7,5-8,5%/năm**; đến năm 2030, GDP bình quân đầu người đạt **7.400-7.600 USD**, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng **28-30%** GDP, đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng **45-50%**, tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng **25-30%** GDP, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt **35-40%**, tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức **42%**. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt **6,5-7,5%/năm**. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) giảm bình quân **1-1,5%/năm**. Bội chi NSNN không quá **5%** GDP...

6.5. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của năm 2025 và giai đoạn 2026-2030:

(1) Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển, nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thể chế là mục tiêu, nguồn lực và động lực của sự phát triển, bảo đảm yêu cầu vừa tăng cường quản lý, vừa tạo ra không gian phát triển mới, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường. Có cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong và ngoài nước để thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng chiến lược, thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành công nghệ cao, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”; cắt giảm thủ tục hành chính, xóa bỏ cơ chế “xin cho”, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh.

Năm 2025, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm; kịp thời ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật có hiệu lực trong năm 2025.

(2) Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và

sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia; phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Có cơ chế, chính sách phù hợp khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khoa học công nghệ; nâng cao hiệu quả sử dụng các quỹ về phát triển khoa học công nghệ. Xây dựng, áp dụng cơ chế quản lý thử nghiệm đối với một số dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo; từng bước nhân rộng các chính sách đã phát huy hiệu quả. Phấn đấu đến năm 2030 thuộc nhóm **40** quốc gia hàng đầu thế giới về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).

Năm 2025, tập trung rà soát sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo đột phá thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát huy hiệu quả của Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia; phấn đấu thuộc nhóm **3** nước dẫn đầu ASEAN về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).

(3) Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục, đào tạo. Chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, nhất là phục vụ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, chip bán dẫn...; có chính sách hỗ trợ đào tạo phù hợp trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển, khoa học cơ bản. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời.

Năm 2025, tập trung triển khai hiệu quả các Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn và Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển công nghệ cao.

(4) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nội ngành và giữa các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất của một số ngành công nghiệp nền tảng và công nghiệp mới nổi. Tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực then chốt, các công trình trọng điểm, tạo động lực phát triển; thúc đẩy đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư của DNNN; phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế; thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, tăng cường kết nối với khu vực trong nước. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN; đổi mới cơ chế phân cấp NSNN theo hướng tăng cường tính chủ đạo của ngân sách trung ương và nâng cao tính chủ động, tích cực, linh hoạt của ngân sách địa phương. Phát huy tính tự chủ, tự lực, tự cường của địa phương trong tham gia vào phát triển kết cấu hạ tầng quốc gia.

Phấn đấu đến năm 2030, quy mô nền kinh tế đạt khoảng **780-800** tỷ USD, xếp thứ **3** trong ASEAN; tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm khoảng **83-84%** GDP.

Năm 2025, tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ theo hướng xanh hóa, số hóa, hiệu quả, bền vững; tập trung xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam; quyết liệt xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, các dự án tồn đọng, triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn.

(5) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, lấy đô thị làm động lực phát triển vùng và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành mục tiêu đến năm 2025 cả nước có ít nhất **3.000** km và năm 2030 có **5.000** km đường bộ cao tốc. Đẩy nhanh thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án hạ tầng giao thông chiến lược, quan trọng quốc gia; đặc biệt là các tuyến đường cao tốc giai đoạn 2026-2030, nâng cấp, mở rộng đường cao tốc theo quy mô quy hoạch, phấn đấu hoàn thành thủ tục và khởi công đầu tư trong năm 2025 đối với một trong các tuyến đường sắt kết nối Việt Nam - Trung Quốc (*Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Lạng Sơn - Hà Nội và Móng Cái - Hạ Long - Hải Phòng*) và sớm khởi động xây dựng Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam dự kiến vào năm 2026. Tạo đột phá phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, xã hội, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, nông thôn, hạ tầng năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu. Thúc đẩy phát triển mạnh, khai thác hiệu quả tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh của 6 vùng KTXH và từng địa phương; tăng cường liên kết, hợp tác giữa các vùng. Phát triển đột phá các ngành kinh tế biển. Đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá; xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, hiệu quả, bền vững.

(6) Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Bảo đảm phát triển văn hóa, xã hội hài hòa, ngang tầm với phát triển kinh tế. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; thực hiện chính sách phát triển dân số bền vững. Triển khai hiệu quả các chính sách người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo theo hướng toàn diện, hiệu quả, bao trùm, bền vững. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, người cao tuổi, trẻ em, bình đẳng giới, thanh thiếu niên và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Năm 2025, chuẩn bị chu đáo, tổ chức tốt các ngày lễ lớn của đất nước (*135 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, 95 năm ngày thành lập Đảng, 80 năm ngày thành lập nước, 50 năm ngày giải phóng miền Nam,*

thống nhất đất nước...); tiếp tục cải thiện đời sống nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng bị thiên tai; phấn đấu hoàn thành mục tiêu xóa nhà tạm, nhà dột nát trên phạm vi cả nước và tạo chuyển biến căn bản về nhà ở xã hội trong năm 2025.

(7) Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước... Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai và xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Phát triển thị trường tín chỉ các-bon, giảm phát thải khí nhà kính; phấn đấu đưa mức phát thải ròng về “0” vào năm 2050.

Năm 2025, tập trung tháo gỡ khó khăn của thị trường bất động sản; xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng; đẩy mạnh triển khai thực hiện các dự án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập.

(8) Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền quốc gia. Đẩy mạnh xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc; tăng cường khả năng phòng thủ; chủ động ngăn chặn hiệu quả các âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, xã hội. Tập trung phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh lưỡng dụng, hiện đại. Kịp thời phát hiện, chủ động ứng phó, xử lý hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, nhất là an ninh mạng. Tập trung trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ, khắc phục hậu quả thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

(9) Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phát huy hiệu quả trường phái “*Ngoại giao cây tre Việt Nam: gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển*”. Tiếp tục thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước láng giềng, các nước lớn và các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, thực chất, ổn định, bền vững, lâu dài. Nâng tầm đối ngoại đa phương, chủ động phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong những vấn đề và cơ chế quan trọng, có tầm chiến lược. Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, tiếp tục mở rộng có chọn lọc các hiệp định thương mại tự do mới (*nhất là với các thị trường Halal, Trung Đông, châu Phi, Mỹ - Latin*). Phát huy sức mạnh tổng hợp

để giữ nước từ sớm, từ xa, kiến tạo nền tảng hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

(10) *Đẩy mạnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực quản trị xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.* Xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, kiến tạo phát triển và Chính phủ liêm chính, hành động, vì nhân dân phục vụ. Thúc đẩy hiện đại hóa hệ thống quản trị và năng lực quản trị nhà nước dựa trên công nghệ số và dữ liệu số, xây dựng chính phủ số, chính quyền số. Đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới mạnh mẽ hoạt động công vụ, xây dựng nền công vụ phục vụ Nhân dân chuyên nghiệp, dân chủ, hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thiện thể chế quản lý phát triển xã hội theo hướng bao trùm, bền vững, lấy người dân làm trung tâm. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 06, đưa vào vận hành và kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác thông tin tuyên truyền, nhất là truyền thông chính sách; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

(11) *Về dự toán NSNN năm 2025 và kế hoạch tài chính, NSNN 3 năm 2025-2027:* Thực hiện chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm; tăng thu, tiết kiệm chi, tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là các dự án kết cấu hạ tầng chiến lược, trọng điểm. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; kiểm soát chặt chẽ bội chi NSNN, nợ công. Tập trung thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý thu NSNN; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các giải pháp chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại, mở rộng triển khai thu thuế điện tử, nhất là đối với dịch vụ ăn uống, thương mại điện tử, các dịch vụ kinh doanh trên nền tảng số. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, các khoản chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ phục hồi kinh tế; phấn đấu tăng tỷ lệ chi đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình về tài chính - NSNN; phát huy tính chủ đạo của Trung ương và tính chủ động của địa phương. Tiếp tục đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập. Đảm bảo sự vận hành ổn định, an toàn của các thị trường tài chính; phấn đấu nâng hạng thị trường chứng khoán trong năm 2025.

II. VỀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM

1. Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam là công trình có tính biểu tượng, ý nghĩa chiến lược, đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đáp ứng nhu cầu vận tải trên hành lang Bắc - Nam, góp phần tạo đột phá về logistics (*chi phí logistics của Việt Nam còn cao, khoảng 17% GDP, trong lúc thế giới khoảng 11% GDP*), tăng cường kết nối vùng, miền, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo “cú hích”, mở ra không gian phát triển mới và tạo nguồn lực mới, nhất là thông qua khai thác hiệu quả quỹ đất. Đồng thời, thúc đẩy phát triển công nghiệp đường sắt, các ngành xây dựng, vật liệu xây dựng, du lịch, dịch vụ; tạo ra hàng triệu việc làm; góp phần giảm tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Trong thời gian xây dựng ước tính góp phần tăng GDP khoảng **0,97** điểm %/năm.

2. Dự án đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, khoa học, bài bản, tham khảo kinh nghiệm các nước trên thế giới, góp ý của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên môn, doanh nghiệp. Thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật, trong đó Hội đồng Thẩm định Nhà nước đã thẩm định kỹ lưỡng, đánh giá kỹ các tác động, ảnh hưởng, bảo đảm các chỉ tiêu an toàn nợ công và các yêu cầu về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, an toàn, quốc phòng, an ninh, môi trường... theo quy định¹⁰.

3. Dự án có chiều dài khoảng **1.541** km từ Thủ đô Hà Nội đến TP Hồ Chí Minh, đi qua **20** tỉnh, thành phố; là đường sắt tốc độ cao vận chuyển hành khách (**350** km/h), đáp ứng yêu cầu lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh, có thể vận tải hàng hóa khi cần thiết. Sơ bộ tổng mức đầu tư **67,34** tỷ USD; huy động từ các nguồn trong nước, ngoài nước (*ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vay nợ, mô hình TOD...*). Trước đây, Quốc hội còn có ý kiến khác nhau do quy mô GDP của nước ta mới hơn đạt **100** tỷ USD, bình quân đầu người trên **1.000** USD.

4. Bộ Chính trị đã có Kết luận và Hội nghị Trung ương 10 đã có Nghị quyết thống nhất chủ trương đầu tư toàn tuyến Dự án đường sắt tốc độ cao (**350** km/h) trên trục Bắc - Nam¹¹. Ban cán sự đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội đã chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ, trình Kỳ họp thứ 8,

¹⁰ Với nhu cầu vận tải ngày càng tăng cao, quy mô nền kinh tế ngày càng lớn, trong khi nợ công duy trì ở mức thấp hơn nhiều mức trần quy định (**37%** GDP so với **60%** GDP), theo nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới, hiện nay là thời điểm thích hợp để Việt Nam đầu tư đường sắt tốc độ cao (*GDP bình quân đầu người năm 2023 đạt 4.300 USD/người, cao hơn nhiều nước khi quyết định đầu tư đường sắt tốc độ cao và dự kiến đạt 7.500 USD vào năm 2030*).

¹¹ Kết luận của Bộ Chính trị tại thông báo số **11376-CV/VPTW** ngày 18/9/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng và Nghị quyết số **55-NQ/TW** ngày 20/9/2024 của Hội nghị Trung ương 10 khóa XIII.

Quốc hội khóa XV xem xét, quyết định chủ trương đầu tư và một số cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện Dự án.

5. Về tiến độ thực hiện: Trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư vào Quý IV/2024; lập, phê duyệt, quyết định đầu tư Dự án trong năm 2025-2026; khởi công năm 2027; phần đầu hoàn thành toàn tuyến vào năm 2035.

6. Vừa qua, Trung ương cũng có nhiều ý kiến khởi động lại các dự án điện hạt nhân vì đây là điện sạch và chi phí phù hợp, được nhiều nước trên thế giới đã và đang sử dụng với những dự án an toàn, hiệu quả, quy mô phù hợp.

III. VỀ CHỦ TRƯỞNG THÀNH LẬP THÀNH PHỐ HUẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Việc thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ với thành phố Huế mà với khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước, tạo ảnh hưởng, động lực và sức bật mới cho phát triển, nhất là khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của địa phương; phát huy vai trò là di sản văn hóa cổ đô, là một trung tâm văn hóa, giáo dục, khoa học và y tế của cả nước tại miền Trung, là cầu nối về văn hóa giữa hai miền Nam - Bắc và giữa Việt Nam với thế giới.

2. Tiến trình xây dựng báo cáo Đề án thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương được chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng, khoa học, bài bản, trong đó đã xác định rõ các căn cứ chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn, đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và phù hợp với Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan.

3. Hội nghị Trung ương 10 đã thảo luận và thống nhất thông qua chủ trương thành lập thành phố Huế trực thuộc Trung ương (trong Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 20/9/2024). Ban cán sự đảng Chính phủ đang phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội tập trung chỉ đạo các cơ quan liên quan và tỉnh Thừa Thiên - Huế hoàn thiện Đề án trình Quốc hội xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 8 (khai mạc ngày 21/10/2024).

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Những nội dung trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, của các ngành, lĩnh vực, các vùng, địa phương, cả trước mắt và trong trung và dài hạn.

2. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu tập trung chỉ đạo quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, với tinh thần *quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, làm việc nào dứt việc đó*; tăng cường

kiểm tra, giám sát việc thực hiện, bảo đảm hiệu quả, không để xảy ra tham nhũng, thất thoát, lãng phí, tiêu cực. Đồng thời, nghiên cứu, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo KTXH để Tiểu ban KTXH tiếp tục hoàn thiện, trình Bộ Chính trị, Trung ương trước khi trình Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan tập trung làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, góp phần tạo đồng thuận xã hội trong triển khai thực hiện.

Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cùng toàn thể Nhân dân phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các địa phương, phát huy tinh thần đoàn kết, chung sức đồng lòng, tự lực, tự cường, nỗ lực phấn đấu thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH, góp phần xây dựng đất nước ngày càng hùng cường, thịnh vượng, người dân có cuộc sống ngày càng ấm no, hạnh phúc./.
